|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/QĐ-UBND | *Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định xây dựng Quy chuẩn** **kỹ thuật địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị quyết số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại văn bản số* /KHCN-TĐC*ngày / /2021 và Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2021 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.**Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Khoa học và Công nghệ;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - UB MTTQ tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - PVP Nguyễn Tuấn Nghĩa;  - Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;  - Lưu VT, VX. | | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**  **Võ Trọng Hải** |
| ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** | | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |

**QUY ĐỊNH**

**Xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Hà Tĩnh**   
*(Ban hành kèm theo Quyết định số  /2021/QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định trách nhiệm xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hướng dẫn việc lập kế hoạch, xây dựng, thẩm tra, ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ; trình bày và thể hiện nội dung; thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành và kinh phí xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Hà Tĩnh (sau đây viết tắt là QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng, thẩm tra và ban hành QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tỉnh Hà Tĩnh* là quy chuẩn kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo văn bản quy phạm pháp luật để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về kiểm soát an toàn, môi trường cho phù hợp với đặc điểm địa lý, khí hậu, thủy văn và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

*- Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù* được hiểu là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình mang tính đặc trưng, riêng biệt, chỉ có tại địa phương.

**Chương II**

**LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH XÂY DỰNG**

**QCKT ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ TĨNH**

**Điều 4. Nguyên tắc lập và phê duyệt kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức lập dự thảo kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

2. Yêu cầu đối với kế hoạch xây dựng QCKT địa phương:

a) Đáp ứng yêu cầu quản lý đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về kiểm soát môi trường, điều kiện phát triển khoa học và công nghệ, quản lý nhà nước của tỉnh Hà Tĩnh.

b) Không tạo ra rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

1. Lập, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh như sau:

a) Theo lĩnh vực được phân công trách nhiệm quản lý, các Sở quản lý chuyên ngành lập dự thảo kế hoạch xây dựng QCKT địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về kiểm soát môi trường.

b) Trước ngày 30/6 hàng năm, các Sở quản lý chuyên ngành gửi đề nghị kế hoạch xây dựng QCKT địa phương cho năm sau bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo dự án xây dựng QCKT địa phương để xem xét, tổng hợp.

Đề nghị kế hoạch xây dựng QCKT địa phương và nội dung thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này. Lập dự án xây dựng QCKT địa phương thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định các dự án QCKT địa phương với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành và các sở, ban, ngành có liên quan. Tùy theo nội dung, mức độ phức tạp, quy mô ảnh hưởng của đối tượng xây dựng QCKT địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mời đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ liên quan trực tiếp tham gia xem xét dự án hoặc có ý kiến bằng văn bản.

d) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, các Sở quản lý chuyên ngành hoàn thiện các dự án xây dựng QCKT địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lập dự thảo kế hoạch xây dựng QCKT địa phương của tỉnh cho năm sau. Lập dự thảo kế hoạch xây dựng QCKT địa phương thực hiện theo Mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

2. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch xây dựng QCĐP

a) Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi dự thảo kế hoạch đến bộ quản lý chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ. Thời gian lấy ý kiến về dự thảo ít nhất 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày gửi dự thảo đi lấy ý kiến.

b) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tổng hợp, xử lý các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch xây dựng QCKT địa phương.

3. Phê duyệt kế hoạch xây dựng QCKT địa phương

a) Xem xét, phê duyệt kế hoạch xây dựng QCKT địa phương thực hiện vào quý IV của năm trước năm kế hoạch.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xem xét, phê duyệt kế hoạch xây dựng QCKT địa phương sau khi có ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ để bảo đảm tính thông nhất, đồng bộ của hệ thông quy chuẩn kỹ thuật (công văn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ có kèm theo ý kiến của bộ quản lý chuyên ngành).

c) Thông báo đến các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan và công khai trên Cổng thông tin điện tử hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kế hoạch được phê duyệt.

4. Thực hiện kế hoạch xây dựng QCKT địa phương

Các Sở quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm định kỳ quý IV hàng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu), thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng QCKT địa phương

a) Kế hoạch xây dựng QCKT địa phương có thể điều chỉnh, bổ sung hoặc rút khỏi kế hoạch theo đề nghị bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức liên quan. Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bao gồm: tiến độ, đối tượng, nội dung của QCKT địa phương, kinh phí thực hiện.

b) Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng QCKT địa phương thực hiện trước thời điểm kết thúc nhiệm vụ kế hoạch được đề nghị ít nhất 06 (sáu) tháng. Trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch xây dựng QCĐP thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Trường hợp do yêu cầu cấp thiết quản lý nhà nước của tỉnh, trình tự điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hằng năm được rút ngắn để bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Chương III**

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG, BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ HỦY BỎ QCKT ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ TĨNH**

**Điều 6. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm tra, ban hành QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

1. Bước 1: Thành lập ban soạn thảo

Tuỳ theo điều kiện cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ban soạn thảo QCKT địa phương hoặc chỉ định cơ quan chủ trì, phối hợp để xây dựng dự thảo QCKT địa phương (sau đây viết tắt là ban soạn thảo).

2. Bước 2: Biên soạn dự thảo QCKT địa phương

a) Chuẩn bị biên soạn dự thảo

- Thu thập, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án xây dựng QCKT địa phương.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước và mức độ rủi ro liên quan đến đối tượng quản lý và nội dung chính của dự án xây dựng QCKT địa phương.

- Tổ chức nghiên cứu thông tin, tư liệu các cam kết quốc tế có liên quan đến dự án xây dựng QCKT địa phương.

- Chuẩn bị và thông qua đề cương chi tiết triển khai dự án xây dựng QCKT địa phương kèm theo khung nội dung dự thảo QCKT địa phương.

- Công tác khác có liên quan.

b) Triển khai biên soạn dự thảo QCKT địa phương

- Biên soạn dự thảo trên cơ sở khung nội dung dự thảo đã được ban soạn thảo thống nhất và viết thuyết minh.

- Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo QCKT địa phương.

- Tổ chức hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia liên quan (ưu tiên mời các hiệp hội, ngành hàng, doanh nghiệp, người dân... là những đối tượng chịu tác động trực tiếp của quy chuẩn kỹ thuật) để minh bạch thông tin, lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo QCKT địa phương.

- Nghiên cứu, tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét gửi lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Bước 3: Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo QCKT địa phương

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xem xét hồ sơ, gửi dự thảo QCKT địa phương đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan để lấy ý kiến và gửi dự thảo đến cơ quan thông báo và điểm hỏi đáp của địa phương tương ứng để xác định sự cần thiết phải thông báo cho WTO theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BKHCN.

- Đồng thời thông báo về việc lấy ý kiến QCKT địa phương trên Cổng thông tin điện tử hoặc tạp chí, ấn phẩm chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan chủ trì xây dựng.

- Thời gian lấy ý kiến đối với dự thảo ít nhất 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày gửi dự thảo lấy ý kiến. Trong trường hợp cấp thiết liên quan tới sức khỏe, an toàn, môi trường, thời gian lấy ý kiến có thể rút ngắn nhưng không ít hơn 30 (ba mươi) ngày theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trên cơ sở ý kiến góp ý, ban soạn thảo hoàn chỉnh lại dự thảo QCKT địa phương, lập hồ sơ dự thảo QCKT địa phương theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều này, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm tra hồ sơ dự thảo QCKT địa phương để xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ dự thảo QCKT địa phương theo quy định và chuyển hồ sơ dự thảo QCKT địa phương kèm theo biên bản thẩm tra đến bộ quản lý chuyên ngành tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 78/2018/NĐ-CP để tổ chức xem xét, cho ý kiến.

d) Hồ sơ dự thảo QCKT địa phương gồm:

- Quyết định giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo QCKT địa phương cho cơ quan, tổ chức kèm theo dự án xây dựng QCKT địa phương đã được phê duyệt;

- Báo cáo quá trình xây dựng dự thảo QCKT địa phương của cơ quan, tổ chức xây dựng dự thảo QCKT địa phương;

- Dự thảo QCKT địa phương, kèm theo thuyết minh; bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo QCKT địa phương và các tài liệu tham khảo khác;

- Danh sách cơ quan được gửi dự thảo để lấy ý kiến; bản tổng hợp và tiếp thu ý kiến góp ý kèm theo văn bản góp ý;

- Ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quản lý trong dự thảo QCKT địa phương, bảo đảm không tạo ra rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại;

- Biên bản thẩm tra hồ sơ có xác nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Công văn đề nghị bộ quản lý chuyên ngành cho ý kiến đối với dự thảo QCKT địa phương.

4. Bước 4: tiếp thu ý kiến và ban hành QCKT địa phương

a) Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ có ý kiến đồng ý với việc ban hành QCKT địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành QCKT địa phương.

b) Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ có ý kiến không đồng ý với việc ban hành QCKT địa phương, ban soạn thảo tổ chức nghiên cứu, xem xét các ý kiến không nhất trí để xử lý, chỉnh lý dự thảo, lập lại hồ sơ dự thảo QCKT địa phương gửi lấy ý kiến lại của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành QCKT địa phương sau khi có ý kiến đồng ý của bộ, cơ quan ngang bộ được phân công quản lý lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

1. Trình tự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế QCKT địa phương

a) Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh phải được đưa vào kế hoạch hàng năm về xây dựng QCKT địa phương.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn kỹ thuật theo trình tự, thủ tục tương ứng quy định tại Điều 6 của Quy định này.

2. Trình tự hủy bỏ QCKT địa phương

a) Trên cơ sở kết quả rà soát hoặc đề nghị của tổ chức, cá nhân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chủ trì xây dựng QCKT địa phương thực hiện.

b) Hủy bỏ QCKT địa phương lập thành hồ sơ, thành phần hồ sơ gồm:

- Bản QCKT địa phương đề nghị hủy bỏ;

- Bản thuyết minh (lý do, cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học);

- Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có);

- Kết quả rà soát định kỳ và kiến nghị;

- Văn bản đề nghị hủy bỏ QCKT địa phương;

- Ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

- Các tài liệu khác liên quan (nếu có).

3. Trường hợp do yêu cầu cấp thiết của quản lý nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ QCKT địa phương theo thủ tục, quy trình rút ngắn trên cơ sở bảo đảm tính khả thi, cơ sở khoa học và kinh phí cần thiết cho việc triển khai thực hiện.

**Chương IV**

**TRÌNH BÀY, THỂ HIỆN NỘI DUNG, THÔNG BÁO, PHỔ BIẾN,**

**ĐĂNG KÝ, XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH VÀ KINH PHÍ XÂY DỰNG**

**QCKT ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ TĨNH**

**Điều 8. Trình bày và thể hiện nội dung QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

Việc trình bày và thể hiện nội dung QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh được thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Thông tư [26/2019/TT-BKHCN](https://vanbanphapluat.co/thong-tu-23-2007-tt-bkhcn-huong-dan-xay-dung-tham-dinh-ban-hanh-quy-chuan-ky-thuat).

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý và cấp số hiệu QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh.

**Điều 9. Thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

1. Hoạt động thông báo, phổ biến, đăng ký, xuất bản, phát hành QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ QCKT địa phương trên công báo, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Tĩnh, Wedsite của Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ trì soạn thảo QCKT địa phương trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày QCKT địa phương được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, hủy bỏ.

3. Các Sở quản lý chuyên ngành theo lĩnh vực quản lý có trách nhiệm lập kế hoạch triển khai việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng sau khi QCKT địa phương được ban hành đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo và các hình thức phù hợp khác.

4. Thủ tục đăng ký QCKT địa phương đã ban hành thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP. Các Sở quản lý chuyên ngành theo lĩnh vực quản lý có trách nhiệm đăng ký QCKT địa phương tại Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày ban hành QCKT địa phương.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc xuất bản và phát hành QCKT địa phương trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày QCKT địa phương được ban hành.

**Điều 10. Kinh phí xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

1. Kinh phí xây dựng QCKT địa phương được bố trí từ ngân sách nhà nước; nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi và định mức chi xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc thù của tỉnh, mức kinh phí tối đa để xây dựng QCKT địa phương là 300 triệu đồng, theo quy định tại Nghị quyết số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế giai đoạn 2020-2025 và nhưng năm tiếp theo. Trường hợp việc xây dựng QCKT địa phương có tính chất phức tạp, thực tế phát sinh nhiều chi phí, vượt quá mức kinh phí tối đa theo quy định, cơ quan soạn thảo lập dự toán trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trước khi gửi đề nghị kế hoạch xây dựng QCKT địa phương cho Sở Khoa học và Công nghệ.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 11. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức lập kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng thẩm định các dự án xây dựng QCKT địa phương.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về kiểm soát môi trường bắt buộc xây dựng QCKT địa phương và lộ trình triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH và yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

4. Tổ chức xây dựng QCKT địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc thù thuộc trách nhiệm quản lý hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham gia ban soạn thảo các QCKT địa phương.

5. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng QCKT địa phương tại các cơ quan được giao chủ trì.

6. Tổ chức quản lý và cấp số hiệu QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc áp dụng QCKT địa phương thuộc trách nhiệm quản lý.

8. Định kỳ hàng năm (hoặc khi có yêu cầu đột xuất) tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch xây dựng QCKT địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan trực tiếp giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện xây dựng QCKT địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc thù thuộc trách nhiệm quản lý hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham gia ban soạn thảo các QCKT địa phương trên địa bàn tỉnh và thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động trong lĩnh vực QCKT tại địa phương.

**Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Tư pháp**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm tham gia thẩm định kinh phí xây dựng QCKT địa phương; hướng dẫn các cơ quan thực hiện quyết toán kinh phí xây dựng QCKT địa phương theo đúng quy định.

2. Sở Tư pháp xem xét trình tự, thủ tục, nội dung quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành QCKT địa phương.

**Điều 13. Trách nhiệm của các Sở quản lý chuyên ngành**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung chuyên môn kỹ thuật của QCKT địa phương được giao xây dựng và đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ theo kế hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức rà soát, đề xuất việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ QCKT địa phương đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về kiểm soát môi trường thuộc trách nhiệm quản lý, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc áp dụng QCKT địa phương thuộc trách nhiệm quản lý;

4. Đăng ký QCKT địa phương tại Bộ Khoa học và Công nghệ sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành QCKT địa phương.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ (hoặc khi có yêu cầu đột xuất) về việc xây dựng QCKT địa phương cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

**Điều 14. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã**

Phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành:

- Tham gia xây dựng QCKT địa phương đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về kiểm soát môi trường trên địa bàn quản lý.

- Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc áp dụng QCKT địa phương trên địa bàn quản lý.

**Điều 15. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh**

1. Tìm hiểu, nắm rõ những quy định, yêu cầu của QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành để triển khai áp dụng đúng theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với QCKT địa phương.

3. Tuân thủ các quy định, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc áp dụng QCKT địa phương.

4. Trong quá trình áp dụng, nếu phát hiện có sai sót, những điểm chưa phù hợp với điều kiện của địa phương phải phản ánh kịp thời với cơ quan chủ trì xây dựng QCKT địa phương hoặc Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 16. Điều khoàn thi hành**

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp các quy định trong các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

**PHỤ LỤC I**

**Nội dung kế hoạch xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số* [*/2020/QĐ-UBND*](http://www.luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=39/2012/Q%C4%90-UBND)*ngày / /2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG QCĐP NĂM:** ...(NĂM KẾ HOẠCH)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực, đối tượng QCĐP** | **Tên QCĐP** | **Cơ quan, tổ chức biên soạn QCĐP** | **Thời gian thực hiện** | | **Kinh phí dự kiến (triệu đồng)** | | | **Cơ quan, tổ chức đề nghị** |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** | **Tổng số** | **NSNN** | **Nguồn khác** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ………. |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** Kế hoạch xây dựng QCKT địa phương phải kèm theo các dự án xây dựng QCKT địa phương cho từng đối tượng QCKT địa phương hoặc nhóm đối tượng QCKT địa phương./.

**PHỤ LỤC II**

**Mẫu dự án xây dựng QCKT địa phương tỉnh Hà Tĩnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số* [*/2021/QĐ-UBND*](http://www.luattrongtay.vn/ViewFullText?DocumentNo=39/2012/Q%C4%90-UBND)*ngày / /2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

**DỰ ÁN XÂY DỰNG QCKT ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HÀ TĨNH**

**1. Tên gọi quy chuẩn kỹ thuật**

**2. Phạm vi và đối tượng áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

**3. Cơ quan đề nghị**

Tên cơ quan: ……………………………………………………………………...

Địa chỉ: …………………………………………………………………………...

Điện thoại: ……………………. Fax: ……………….. E-mail ………………….

Tên cơ quan chủ quản *(nếu có)*: ………………………………………………….

**4. Tình hình quản lý đối tượng quy chuẩn kỹ thuật địa phương hoặc đối tượng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng tại địa phương**

- Đối tượng quy chuẩn kỹ thuật là:

+ Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương □

+ Yêu cầu cụ thể về môi trường tại địa phương □

- Tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý đối tượng trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật dự kiến ban hành QCKT địa phương:………………

- Tình hình quản lý cụ thể đối tượng quy chuẩn kỹ thuật:

**5. Lý do và mục đích xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Quy chuẩn kỹ thuật nhằm đáp ứng những mục tiêu quản lý nào dưới đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| + Đảm bảo an toàn | □ | + Bảo vệ động, thực vật | □ |
| + Đảm bảo vệ sinh, sức khoẻ | □ | + Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | □ |
| + Bảo vệ môi trường | □ | + Các mục tiêu quản lý khác *(ghi rõ mục tiêu quản lý)* | □ |
| + Bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia | □ |  |  |
| - QCKT địa phương dùng để: |  | chứng nhận hoặc công bố hợp quy | □ |

- Căn cứ về nội dung quản lý nhà nước có liên quan

+ Trích dẫn tên gọi, số chỉ thị, văn bản có liên quan đến yêu cầu quản lý nêu trên

+ Yêu cầu hài hoà trong khuôn khổ hợp tác quốc tế và khu vực

+ Các yêu cầu quản lý khác

**6. Loại quy chuẩn kỹ thuật**

|  |  |
| --- | --- |
| + Quy chuẩn kỹ thuật chung | □ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật an toàn | □ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật môi trường | □ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật về quá trình | □ |
| + Quy chuẩn kỹ thuật về dịch vụ | □ |

**7. Những vấn đề sẽ quy định trong quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Nhũng vấn đề sẽ quy định (hoặc sửa đổi, bổ sung):

|  |  |
| --- | --- |
| + Yêu cầu về thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) | □ |
| + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong sản xuất, khai thác, chế biến sản phẩm, hàng hóa đặc thù | □ |
| + Yêu cầu về an toàn, vệ sinh trong bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hóa đặc thù | □ |
| + An toàn trong dịch vụ môi trường | □ |
| + An toàn, vệ sinh trong các lĩnh vực khác thuộc lĩnh vực được phân công (liệt kê ở dưới) | □ |

- Bố cục, nội dung các phần chính của quy chuẩn kỹ thuật dự kiến;

- Nhu cầu khảo nghiệm quy chuẩn kỹ thuật trong thực tế: □ có □ không

*(Nếu có, ghi rõ dự kiến nội dung cần khảo nghiệm, quy mô, địa điểm, thời gian khảo nghiệm)*

**8. Phương thức thực hiện và tài liệu làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

|  |  |
| --- | --- |
| + Xây dựng QCKT địa phương trên cơ sở tiêu chuẩn | □ |
| + Xây dựng QCKT địa phương trên cơ sở tham khảo tài liệu, dữ liệu khác | □ |
| + Xây dựng QCKT địa phương kết hợp tiêu chuẩn và tham khảo các tài liệu, dữ liệu | □ |

- Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng quy chuẩn kỹ thuật (bản sao kèm theo):

**9. Kiến nghị ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Cơ quan, tổ chức biên soạn QCKT địa phương □

*(tên cơ quan, tổ chức chủ trì biên soạn QCKT địa phương)*

- Ban soạn thảo soạn thảo QCKT địa phương □

*(dự kiến thành viên ban soạn thảo QCKT địa phương)*

**10. Cơ quan phối hợp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

- Dự kiến cơ quan, tổ chức phối hợp xây dựng dự thảo QCKT địa phương.

- Dự kiến cơ quan quản lý có liên quan bắt buộc phải lấy ý kiến về dự thảo QCKT địa phương.

- Dự kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân cần lấy ý kiến về dự thảo QCKT địa phương.

**11. Dự kiến tiến độ thực hiện**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Thời gian** | |
| **Bắt đầu** | **Kết thúc** |
| 1 | Chuẩn bị biên soạn dự thảo QCKT địa phương |  |  |
| 2 | Biên soạn dự thảo QCKT địa phương:  - Lấy ý kiến chuyên gia  - Khảo nghiệm dự thảo (nếu có)  - Hoàn chỉnh dự thảo và lập hồ sơ dự thảo QCKT địa phương |  |  |
| 3 | Tổ chức thông báo và lấy ý kiến rộng rãi |  |  |
| 4 | Tổ chức Hội nghị chuyên đề |  |  |
| 5 | Hoàn chỉnh, lập hồ sơ dự thảo QCKT địa phương trình duyệt |  |  |
| 6 | Thẩm định hổ sơ dự thảo QCKT địa phương trình duyệt |  |  |
| 7 | Ban hành QCKT địa phương |  |  |

**12. Dự toán kinh phí thực hiện**

a. Tổng kinh phí dự kiến: ……………. trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: …………………………………………………………...

- Đóng góp của các tổ chức, cá nhân: …………………………………………….

*(ghi rõ của tổ chức cá nhân nào, nếu có)*

- Nguồn khác: …………………………………………………………………….

b. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm 20.…...* **Cơ quan đề nghị dự án QCKT địa phương** *(Ký tên, đóng dấu)* |